

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)**Đơn vị: đồng*

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	66 226 000 000	TỔNG SỐ CHI	66 226 000 000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%		I. Chi đầu tư phát triển	995,000,000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)		II. Chi thường xuyên	64 969 000 000
III. Thu bổ sung	66 226 000 000		
- Bổ sung cân đối	15 910 000 000	III. Dự phòng	262 000 000
- Bổ sung có mục tiêu	50 316 000 000		
Thu kết dư ngân sách năm trước			
IV. Thu chuyển nguồn			
Kết dư ngân sách			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024		DỰ TOÁN NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	29,951,883,418	27,691,239,087	77,894,000,000	66,226,000,000	260%	239%
I	Các khoản thu 100%	456,022,000	231,138,000	630,000,000	-	138%	0%
	Phí, lệ phí	80,286,000	80,286,000	295,000,000		367%	0%
	Thu từ khu vực DN địa phương quản lý			8,000,000			
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	288,186,000	63,302,000				
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định				-		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	87,550,000	87,550,000	143,000,000		163%	0%
	Thu khác	-	-	184,000,000			
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	5,102,225,023	3,066,464,692	11,038,000,000	-	216%	0%
1	Các khoản thu phân chia	5,102,225,023	3,066,464,692	10,888,000,000		213%	0%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	69,039,938	69,039,938	42,000,000		61%	0%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		-		-		
	- Thuế GTGT	333,834,000	352,816,364	7,479,000,000		2240%	0%
	Thuế sử dụng đất	3,709,711,100	2,644,608,390	1,300,000,000		35%	0%
	Thuế TNCN	853,920,255		617,000,000		72%	
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	135,719,730		1,450,000,000			
2	Thu tiền thuê đất			150,000,000			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	129,977,641	129,977,641				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	353,710,209	353,710,209				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	23,909,948,545	23,909,948,545	66,226,000,000	66,226,000,000	277%	277%
	- Thu bổ sung cân đối	13,885,220,000	13,885,220,000	15,910,000,000	15,910,000,000	115%	115%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	10,024,728,545	10,024,728,545	50,316,000,000	50,316,000,000	502%	502%

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024			DỰ TOÁN NĂM 2025			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI				66,226,000,000	995,000,000	65,231,000,000			
1	Chi đầu tư				995,000,000	995,000,000				
2	Chi văn phòng Đảng ủy				1,657,700,000		1,657,700,000			
3	Chi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc				1,030,000,000	-	1,030,000,000			
4	Chi văn phòng HĐND và UBND xã				16,106,300,000		16,106,300,000			
5	Chi Phòng kinh tế				820,000,000		820,000,000			
6	Chi phòng văn hóa, thông tin				925,000,000		925,000,000			
7	Trung tâm phục vụ hành chính công				470,000,000		470,000,000			
8	Trung tâm DV tổng hợp				435,000,000		435,000,000			
9	Chi giáo dục				40,727,000,000		40,727,000,000			
10	Trung tâm học tập cộng đồng				112,000,000		112,000,000			
11	Dự phòng				262,000,000		262,000,000			
12	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chính trị phát sinh				2,686,000,000		2,686,000,000			

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 30/6/2025	Giá trị thanh toán năm 2025				
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
							Nguồn ngân sách NN hỗ trợ	Nguồn ngân sách xã (nguồn thu tiền SD đất)	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ									
Công trình chuyển tiếp năm 2024 sang năm 2025		4,155,266,560	0	957,843,625	936,895,625	0	936,895,625		
Kênh mương Làng Lài - Na cái xóm Đồng Tiến xã Phú Tiến	2024	573,836,944		118,466,250	106,378,250		106,378,250		
Đường GTNT Cỏ Lá - Keo thẳng xóm Hợp Tiến xã Phú Tiến	2024	1,950,847,206		287,214,375	287,214,375		287,214,375		
Cầu Na Trá xóm Tân Tiến xã Phú Tiến	2024	1,630,582,410		552,163,000	543,303,000		543,303,000		
Công trình khởi công mới		7,362,616,328	0	3,526,870,434	1,243,064,434	0	2,283,806,000	1,243,064,434	
Kè chống sạt lở đường GTNT xóm Phúc Tiến - Cây Sung xã Phú Tiến	2025	375,932,959		24,160,000	24,160,000			24,160,000	
Kè chống sạt lở đường GTNT xóm Thống Nhất xã Trung Hội.	2025	184,949,192		171,129,971	171,129,971			171,129,971	
Kè chống sạt lở đường GTNT xóm Làng Mỏ xã Trung Hội.	2025	572,543,695		529,620,351	529,620,351			529,620,351	
Kè chống sạt lở sân thể dục, lát nền và bồn hoa trường THCS Trung Hội	2025	560,273,212		518,154,112	518,154,112			518,154,112	
Thư viện xanh ngoài trời trường tiểu học Trung Hội	2025	150,000,000							
Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT xóm Hợp Tiến, xã Phú Tiến	2025	1,816,924,269		872,685,000			872,685,000		
Đường GTNT Cỏ Tán - Bò Kết xóm Đồng Tiến xã Phú Tiến	2025	2,966,993,001		1,411,121,000			1,411,121,000		
Kênh mương Làng Lài - Na cái xóm Đồng Tiến xã Phú Tiến (giai đoạn 2)	2025	735,000,000							